



HÃY SUY NGHĨ LẠI: VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN

Nguồn: Stephen D. Krasner (2001). "Think Again: Sovereignty", *Foreign Policy*, No. 122 (Jan. - Feb.), pp. 20-29.

Biên dịch: Trần Thị Diệu | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Quan điểm về nhà nước như một thực thể tự trị và độc lập đang sụp đổ dưới "đòn công kích" kết hợp của các liên minh tiền tệ, CNN, Internet và các tổ chức phi chính phủ. Nhưng những ai tuyên bố về sự diệt vong của "chủ quyền" dường như đã hiểu sai lịch sử. Các quốc gia – dân tộc có bản năng sinh tồn mạnh mẽ và cho đến lúc này đã thích nghi với những thách thức mới, ngay cả thách thức đặt ra bởi toàn cầu hóa.

Các quốc gia chủ quyền đang hấp hối

Hoàn toàn sai. Chủ quyền chưa bao giờ là một phạm trù mạnh mẽ như nhiều nhà quan sát hiện nay nhận định. Các quy chuẩn truyền thống về chủ quyền đã luôn bị thách thức. Một vài quốc gia, đáng chú ý nhất là Hoa Kỳ, đã có quyền tự trị, quyền kiểm soát và được công nhận trong phần lớn thời gian tồn tại của mình, trong khi ở hầu hết các quốc gia khác điều tương tự không hề xảy ra.

Các quốc gia yếu luôn bị xâm nhập và các nước mạnh cũng không thể "miễn nhiễm" với những ảnh hưởng bên ngoài. Trung Quốc đã từng bị chiếm đóng. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, các dàn xếp hiến pháp của Nhật Bản và Đức đã được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Mỹ. Vương quốc Anh mặc dù từ chối sử dụng đồng tiền chung Châu Âu nhưng cũng là một phần của Liên Minh Châu Âu.

Thậm chí đối với các quốc gia yếu, nơi các cấu trúc quốc nội bị ảnh hưởng bởi các chủ thể bên ngoài và các nhà lãnh đạo dường như không thể kiểm soát được những sự dịch chuyển xuyên biên giới hay thậm chí các hoạt động ngay trong phạm vi của quốc gia mình, thì chủ quyền vẫn còn duy trì được tính hấp dẫn của nó. Mặc dù chủ quyền có thể chỉ mang lại sự công nhận quốc tế, nhưng sự công nhận này đảm bảo cho quốc gia có thể tiếp cận được các tổ chức quốc tế hay đôi khi là cả các nguồn tài chính quốc tế. Nó cũng mang đến vị thế cho cá nhân các nhà lãnh đạo. Trong khi các cường quốc ở Châu Âu đã từ bỏ nhiều yếu tố của chủ quyền thì các nước như Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản đều không quan tâm hay có khuynh hướng từ bỏ mong muốn kiểm soát hiệu quả sự tự chủ trong nước.

Ở nhiều nơi trên thế giới, biên giới quốc gia vẫn còn tượng trưng cho nguồn gốc của xung đột, cho dù đó là cuộc chiến giữa Israel và Palestine về quy chế của Jerusalem, hay các đe dọa của Ấn Độ và Pakistan về một cuộc chiến nguyên tử vì khu vực Kashmir, hoặc đụng độ giữa Ethiopia và Eritrea tại vùng lãnh thổ đang tranh chấp. Tuy nhiên, ngày nay các nhà bình luận đều chủ yếu quan tâm đến sự xói mòn dần của biên giới quốc gia do hậu quả của toàn cầu hóa. Các chính phủ cũng như các nhà hoạt động đã chỉ trích các thể chế đa phương như Liên Hợp Quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã đi quá chức năng và quyền hạn của mình bằng việc thúc đẩy các tiêu chuẩn cho tất cả mọi chuyện từ vấn đề nhân quyền và môi trường cho đến các chính sách tiền tệ và nhập cư. Tuy nhiên, tác động đáng kể nhất của toàn cầu hóa kinh tế và những qui chuẩn xuyên quốc gia sẽ là sự biến đổi phạm vi chủ quyền quốc gia hơn là việc tạo ra một vài phương thức mới nhằm tổ chức đời sống chính trị.

Chủ quyền đồng nghĩa với thẩm quyền tối hậu

Nếu đã từng như vậy thì cũng không còn nữa. Khi triết gia Jean Bodin và Thommas Hobbes lần đầu tiên đưa ra khái niệm về chủ quyền vào thế kỉ 16 và 17, họ quan tâm đến việc thiết lập tính hợp pháp của một hệ thống thứ bậc duy nhất trong thẩm quyền đối nội.

Mặc dù Bodin và Hobbes đều chấp nhận sự tồn tại của các quyền tự nhiên hay do Chúa mang lại, nhưng cả hai (đặc biệt là Hobbes) đều tin rằng chủ quyền chính là luật pháp. Dân chúng không có quyền nổi loạn. Bodin và Hobbes nhận ra rằng nếu mang lại cho các ông hoàng quyền lực ngạo mạn như vậy sẽ dẫn đến sự độc tài, nhưng mối quan tâm của họ lại nghiêng về việc duy trì trật tự đối nội mà không có điều đó thì họ tin là sẽ không thể có công lý. Quan điểm của hai ông được đưa ra vào thời điểm thế giới đang bị giằng xé bởi xung đột giữa những phe phái

khác nhau. Bodin suýt bị giết chết trong một vụ bạo loạn tôn giáo tại Pháp năm 1572. Hobbes đã công bố tác phẩm nổi bật của ông *Leviathan* chỉ vài năm sau khi quốc hội (lúc đó bao gồm tầng lớp trung lưu giàu có mới nổi) hành quyết vua Charles I trong cuộc nội chiến nhằm giành lại quyền kiểm soát đất nước từ chế độ quân chủ.

Quan điểm về quyền lực tối cao có tính thuyết phục nhưng lại không hề thích hợp trên thực tế. Vào cuối thế kỉ 17, thẩm quyền chính trị ở Anh được chia làm hai phe: Vua và Quốc hội. Tại Mỹ, những người cha lập quốc đã xây dựng mô hình hiến pháp về kiểm soát và cân bằng và các cấp độ chủ quyền được phân bổ giữa lợi ích địa phương và quốc gia, trái ngược với hệ thống thứ bậc và quyền lực tối cao. Các nguyên tắc về công lý và đặc biệt là trật tự mà Bodin và Hobbes luôn coi trọng đã được thực hiện tốt nhất bởi các nhà nước dân chủ hiện đại có nguyên tắc tổ chức đi ngược lại quan điểm cho rằng chủ quyền đồng nghĩa với quyền lực đối nội vô hạn định (của các nhà lãnh đạo).

Nếu chủ quyền không có nghĩa là một trật tự trong nước với một hệ thống thứ bậc duy nhất về thẩm quyền thì nó có nghĩa là gì? Trong thế giới đương đại, chủ quyền về căn bản gắn với quan điểm cho rằng các quốc gia tự trị và độc lập với nhau. Trong phạm vi biên giới của mình, những thành viên trong xã hội có thể tự mình quyết định lựa chọn hình thức chính quyền. Hệ quả tất yếu từ điều này đó là nguyên tắc không can thiệp: Các quốc gia không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.

Gần đây hơn, chủ quyền còn được gắn liền với quan điểm về việc kiểm soát những dịch chuyển xuyên biên giới. Khi các nhà quan sát hiện nay cho rằng quốc gia chủ quyền gần như sắp biến mất, họ đều không có ý rằng các cấu trúc cấu thành nó cũng sẽ biến mất. Thay vào đó, họ cho rằng biến đổi về công nghệ sẽ khiến cho các quốc gia gặp khó khăn hoặc không thể kiểm soát những sự dịch chuyển xuyên biên giới của tất cả các dạng vật chất hữu hình (từ cà phê đến thuốc phiện) hoặc vô hình (từ những bộ phim Hollywood cho tới các dòng chảy vốn).

Cuối cùng, chủ quyền cũng có nghĩa là các nhà nước có thể tham gia các thỏa thuận quốc tế. Họ tự do tham gia vào bất cứ thỏa thuận nào mà họ cảm thấy hấp dẫn. Bất kì hiệp ước nào giữa các quốc gia cũng đều hợp pháp miễn là chúng không mang tính ép buộc.

Hòa ước Westphalia sinh ra mô hình quốc gia chủ quyền hiện đại

Không phải, mô hình này ra đời sau đó. Các học giả hiện nay thường hay viện dẫn Hòa ước Westphalia 1648 (thật ra là hai hiệp ước riêng biệt, Munster và Osnabruck) như là một cú nổ "Big Bang chính trị" tạo ra hệ thống hiện đại của các nhà nước độc lập. Hòa ước Westphalia - vốn đánh dấu sự chấm dứt 30 năm chiến tranh chống lại quyền lực bá quyền của Đế chế La Mã Thần thánh - đã chấm dứt vai trò xuyên quốc gia vốn đang đà suy tàn của giáo hội công giáo La Mã và công nhận tính hợp lý của quan điểm cho rằng quan hệ quốc tế nên được điều chỉnh dựa trên mô hình cân bằng quyền lực hơn là quan điểm lý tưởng của những người theo đạo Thiên Chúa. Nhưng Hòa ước Westphalia trước hết vẫn là một bản hiến pháp mới của Đế chế La Mã Thần thánh. Những quyền tồn tại trước đó của các bậc quân vương trong đế chế trong việc xây dựng các hiệp ước vẫn được tái khẳng định, nhưng hiệp ước Munster cũng quy định rằng "các liên minh đó không được chống lại Hoàng đế, chống lại Đế chế, nền hòa bình chung cũng như bản thân hòa ước này, và cũng không được gây phương hại tới lời tuyên thệ mà theo đó các bậc quân vương thề trung thành với Hoàng đế và Đế chế." Hệ thống chính trị trong nước dưới sự thống trị của các bậc quân vương vẫn được duy trì trong Đế chế La Mã Thần thánh. Công tước vùng Saxony, Tử tước vùng Brandenburg, Bá tước vùng Palatine và Công tước vùng Bavaria đều được công nhận như những đại biểu của các thành bang (cùng với tổng giám mục của Mainz, Trier và Cologne) có quyền tham gia vào việc bầu chọn Hoàng đế của Đế chế. Họ không trở thành hoặc có quyền tuyên bố trở thành các vị vua.

Có thể điều quan trọng nhất là Hòa ước Westphalia đã thiết lập nên nguyên tắc cho sự khoan dung tôn giáo ở Đức. Các hiệp ước đã đưa ra một cách lấy lệ nguyên tắc cho phép các bậc quân vương chọn tôn giáo cho vùng lãnh thổ riêng của mình (*cuius regio, eius religio* – *lãnh thổ của ai, tôn giáo của người đó*) – và sau đó vi phạm nguyên tắc này bằng các điều khoản cụ thể khác nhau. Các nước kí kết đã đồng ý rằng những quy tắc tôn giáo đã có hiệu lực từ trước sẽ được giữ nguyên. Tín đồ Công giáo và Tin Lành ở các thành bang thuộc Đức có thành phần dân số pha trộn sẽ chia sẻ việc tham gia vào các cơ quan nhà nước. Vấn đề tôn giáo được dàn xếp bởi đa số người Công giáo và Tin Lành trong cả Nghị viện và tòa án của đế chế. Cơ bản thì về nguyên tắc không một nhà lãnh đạo chính trị chủ chốt nào ở Châu Âu tán thành việc khoan dung tôn giáo, nhưng họ đều nhận ra rằng xung đột tôn giáo quá biến động nên cần phải được ngăn chặn hơn là trấn áp những khác biệt giữa các tôn giáo với nhau. Nhìn chung, Hòa ước Westphalia là một văn kiện thuộc về thời kì trung cổ, và sự cải tiến rõ ràng nhất của nó – tức các điều khoản làm suy yếu quyền lực của các bậc quân vương trong việc kiểm soát các

vấn đề tôn giáo trong lãnh thổ của mình – đều đi ngược lại với quan điểm về chủ quyền quốc gia vốn về sau gắn liền với cái được gọi là hệ thống Westphalia.

Quyền con người phổ quát là thách thức chưa bao giờ có đối với chủ quyền

Sai. Những nỗ lực thiết lập các nguyên tắc quốc tế buộc các nhà lãnh đạo phải đối xử với người dân của mình theo một cách nhất định đã diễn ra trong một thời gian dài. Trải qua hàng thế kỉ, trọng tâm của vấn đề chuyển từ sự khoan dung đối với tôn giáo sang các quyền lợi của các sắc tộc thiểu số (thường chỉ tập trung vào một số nhóm sắc tộc thiểu số cụ thể tại những quốc gia nhất định nào đó) đến quyền con người (nhấn mạnh vào quyền lợi được hưởng của tất cả mọi người hay các tầng lớp người dân rộng lớn). Trong một vài trường hợp, các quốc gia đã tự nguyện chấp nhận sự giám sát quốc tế, nhưng nói chung các nước yếu thường buộc phải tán thành sự lựa chọn của các nước mạnh. Dàn xếp Viên sau các cuộc chiến tranh Napoleon bảo đảm cho sự khoan dung tôn giáo đối với đạo Thiên chúa tại Hà Lan. Tất cả quốc gia thừa kế của đế chế Ottoman, bắt đầu với Hi Lạp vào năm 1832 và kết thúc với Albania vào năm 1913, phải chấp nhận những điều khoản về quyền bình đẳng dân sự và chính trị đối với những nhóm tôn giáo thiểu số như là một điều kiện cho việc được quốc tế công nhận. Những hiệp ước hòa bình sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bao gồm những qui định rộng hơn nhằm bảo vệ các nhóm thiểu số. Ví dụ, Ba Lan đồng ý không tổ chức bầu cử vào ngày thứ 7 bởi vì nó có thể phạm vào ngày lễ Sabbath của người Do Thái. Các cá nhân có thể nộp đơn kiện chống lại chính phủ lên Văn phòng về quyền của các nhóm thiểu số được thành lập bởi Hội Quốc Liên.

Nhưng những cuộc tàn sát người Do Thái thời Đức Quốc Xã đã chứng minh rằng trong thực tế những nỗ lực giữa hai cuộc thế chiến nhằm tạo ra các ràng buộc quốc tế đối với các vấn đề trong nước đã thất bại hoàn toàn. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, quyền con người thay thế quyền của các nhóm thiểu số trở thành trọng tâm của sự chú ý. Hiến Chương Liên Hợp Quốc đã công nhận cả quyền con người lẫn nguyên tắc chủ quyền về việc không được can thiệp vào công việc nội bộ của các nước. Hơn 20 hiệp ước về quyền con người được kí kết trong suốt nửa thế kỉ qua đề cập một loạt các vấn đề rộng lớn, bao gồm vấn đề diệt chủng, tra tấn, nô lệ, người tị nạn, người không quốc tịch, quyền phụ nữ, phân biệt chủng tộc, quyền trẻ em và lao động cưỡng bức. Tuy nhiên, những thỏa thuận của Liên Hợp Quốc có ít cơ chế thi hành, và thậm chí các qui định về báo cáo các trường hợp vi phạm cũng thường không hiệu quả.

Sự tan rã bi thảm và đẫm máu của Nam Tư vào những năm 1990 làm dấy lên những mối lo ngại trước đó về quyền lợi các nhóm sắc tộc. Sự công nhận quốc tế đối với những quốc gia thừa kế Nam Tư phụ thuộc vào việc các quốc gia này có các điều khoản hiến định đối với việc bảo vệ quyền của các nhóm thiểu số hay không. Hiệp định Dayton thành lập các cơ cấu quyền lực do nước ngoài kiểm soát ở Bosnia, bao gồm Hội đồng Nhân quyền (trong đó đa số thành viên được bổ nhiệm bởi các nước Tây Âu). NATO cũng đã tạo ra một chính quyền bảo hộ trên thực tế tại Kosovo.

Các động cơ cho sự can thiệp – như chủ nghĩa nhân đạo và vấn đề an ninh - hầu như không thay đổi. Thực ra, những lý do khiến các cường quốc can dự vào Ban-căng theo sau các cuộc chiến tranh những năm 1870 hầu như không hề khác biệt với các lý do khiến NATO và Nga can dự vào khu vực này những năm 1990.

Toàn cầu hóa làm xói mòn sự kiểm soát của nhà nước

Không. Sự kiểm soát của nhà nước không bao giờ có thể bị xem nhẹ. Tiến bộ công nghệ hơn 200 năm qua đã làm gia tăng dòng chảy di dân, hàng hóa, dòng chảy vốn và ý tưởng - nhưng các vấn đề đặt ra bởi những thay đổi trên không hề mới. Theo nhiều cách khác nhau, phản ứng của nhà nước hiện nay được cải thiện tốt hơn so với trước đây.

Sự tác động của các phương tiện truyền thông toàn cầu đối với quyền lực chính trị (có thể gọi là hiệu ứng CNN) bị lu mờ khi so sánh với tình trạng hỗn loạn sau phát minh của báo in. Trong vòng một thập niên từ sau khi Martin Luther được cho là đóng đinh 95 bài luận của ông lên cửa nhà thờ Wittenberg, các quan điểm của ông đã được truyền đi khắp châu Âu. Một số nhà lãnh đạo chính trị nắm lấy các nguyên tắc của phong trào Cải cách Kháng Cách như là một biện pháp để hợp thức hóa quyền lực chính trị thế tục của mình. Không có quyền lực tối cao của bất kì đấng quân vương nào có thể kiềm chế được sức lan tỏa của những tư tưởng này, và một số ông hoàng không chỉ mất đất mà còn mất cả tính mạng. Những cuộc tranh luận giữa các phe phái ở thế kỉ 16 và 17 có thể có nhiều hậu quả chính trị hơn so với những luồng quan điểm xuyên biên giới sau này.

Ở một vài khía cạnh nào đó, sự di chuyển nguồn vốn ở những thời kì trước đây còn lớn hơn so với bây giờ. Trong suốt thế kỉ 19, các nước Mỹ Latinh (và ở mức độ thấp hơn là Canada, Mỹ và Châu Âu) bị tác động bởi vòng tuần hoàn phát triển và suy thoái của nền kinh tế đi kèm với các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cuộc Đại Khủng hoảng vốn có tác động sâu sắc đến tình hình đối nội của tất cả các

quốc gia lớn bị thúc đẩy bởi sự sụp đổ tín dụng quốc tế. Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á vào cuối những năm 1990 không gây ra nhiều tàn phá như vậy. Thật vậy, sự phục hồi nhanh chóng của các nước Châu Á sau cuộc khủng hoảng đã cho thấy sự hiểu biết tốt hơn về các lý thuyết kinh tế và các ngân hàng trung ương hoạt động hiệu quả hơn đã giúp các quốc gia dễ dàng hơn trong việc tận dụng những lợi thế (đồng thời hạn chế những nguy cơ) khi tham gia sâu vào thị trường tài chính toàn cầu.

Bên cạnh nỗ lực quản lý dòng chảy vốn và tư tưởng, các quốc gia từ lâu đã cố gắng để kiểm soát tác động của thương mại quốc tế. Thời kỳ mở đầu của thương mại "đường dài" với những khối lượng hàng hóa lớn đã cơ bản hình thành nên những chia rẽ ở tất cả những nước lớn. Suy thoái và sự tụt dốc của giá ngũ cốc khiến thủ tướng Đức Otto von Bismarck có thể thúc đẩy tầng lớp quý tộc sở hữu nhiều ruộng đất tham gia vào một liên minh với giới tư bản công nghiệp nặng ở thành thị (liên minh "sắt và lúa mạch" này đã thống trị nền chính trị Đức trong nhiều thập kỉ). Vấn đề về thuế xuất nhập khẩu gây nên "đường chia rẽ" cơ bản trong nền chính trị Mỹ trong phần lớn nửa cuối thế kỉ 19 và nửa đầu của thế kỉ 20. Nhưng, bất chấp sự gia tăng của xuất nhập khẩu kể từ năm 1950, tính chính trị trong thương mại đã trở nên mờ nhạt hơn bởi các chính phủ đã phát triển các chiến lược phúc lợi xã hội giúp giảm nhẹ tác động của sự cạnh tranh quốc tế, đồng thời công nhân có trình độ cao có thể điều chỉnh tốt hơn để thích nghi với các điều kiện quốc tế thay đổi. Điều này làm cho nhà nước trở nên dễ dàng hơn chứ không phải khó khăn hơn trong việc quản lý dòng chảy vốn và dịch vụ.

Toàn cầu hóa đang làm thay đổi phạm vi kiểm soát của nhà nước

Đúng. Sự kiểm soát của nhà nước được tăng cường ở một số phạm vi nhưng lại nới lỏng ở một số khác. Các nhà lãnh đạo nhận thấy rằng họ có thể nâng cao hiệu quả kiểm soát bằng cách rút ra khỏi những vấn đề mà họ không thể giải quyết được. Ví dụ, từ thời kỳ Hòa ước Westphalia, các nhà lãnh đạo đã từ bỏ sự kiểm soát đối với tôn giáo vì họ thấy tôn giáo quá khó quản lý. Việc giữ tôn giáo dưới sự quản lý của chính quyền chỉ làm suy yếu chứ không hề tăng cường tính ổn định chính trị.

Chính sách tiền tệ là lĩnh vực mà ban đầu nhà nước gia tăng kiểm soát nhưng cuối cùng lại phải nới lỏng. Trước thế kỉ 20, các quốc gia không có năng lực hành chính và hay mong muốn tiến hành chính sách tiền tệ độc lập. Những nỗ lực quản lý vấn đề tiền tệ đi kèm với lý thuyết kinh tế của Keynes vào giữa thế kỷ 20 giờ đây đã bị đảo ngược bởi quy mô của dòng vốn ngắn hạn và sự bất lực của

chính quyền nhà nước trong việc kiểm soát lạm phát. Ngoại trừ Vương Quốc Anh, các nước lớn ở khu vực châu Âu đã thiết lập nên đồng tiền chung. Đối mặt với siêu lạm phát lặp đi lặp lại, năm 2000 Ecuador chấp nhận dùng đồng đô la Mỹ làm đồng tiền của nước này.

Cùng với sự suy yếu của các đồng tiền quốc gia, chúng ta giờ đây cũng chứng kiến sự xói mòn của quốc tịch công dân, khái niệm cho rằng mỗi cá nhân chỉ nên là công dân của một và chỉ một quốc gia mà thôi, và rằng nhà nước có độc quyền trong việc đòi hỏi lòng trung thành của người đó. Tại nhiều quốc gia, giờ đây không còn ranh giới tách biệt giữa công dân và người không phải là công dân. Những người thường trú, người lao động nhập cư, người tị nạn, những người nhập cư không có giấy tờ đều được hưởng một số quyền nhất định mặc dù họ không thể tham gia bầu cử. Việc đi lại trở nên dễ dàng và mong muốn của nhiều nước trong việc thu hút vốn và công nhân có tay nghề đã khiến quyền công dân trở thành một phạm trù linh động hơn.

Mặc dù nhà nước đang giảm bớt sự liên quan đối với tôn giáo, hoạt động tiền tệ, và việc đòi hỏi sự trung thành của công dân cũng giảm bớt, nhưng hoạt động của chính quyền nói chung phản ánh qua thuế và chi tiêu của chính phủ lại tăng lên nếu tính theo tỉ lệ thu nhập quốc gia kể từ những năm 1950 ở các nước có nền kinh tế phát triển. Phạm vi của các chương trình phúc lợi xã hội của một quốc gia có xu hướng gắn kết chặt chẽ với mức độ hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Khủng hoảng quyền lực và quyền kiểm soát nhà nước trở nên rõ ràng nhất tại những quốc gia biệt lập nhất, với khu vực châu Phi hạ Sahara mang lại nhiều minh họa đáng tiếc nhất.

Các tổ chức phi chính phủ (NGO) đang làm yếu dân chủ quyền quốc gia

Ở một vài khía cạnh. Các tổ chức phi chính phủ xuyên quốc gia đã tồn tại từ lâu, đặc biệt nếu tính cả các công ty xuyên quốc gia. Vào thế kỉ 18, công ty Đông Ấn Hà Lan đã sở hữu quyền lực chính trị (thậm chí là cả một lực lượng quân đội viễn chinh) có thể sánh ngang nhiều chính phủ quốc gia. Trong suốt thế kỉ 19, có nhiều chiến dịch vận động xuyên biên giới nhằm loại bỏ chế độ nô lệ, nâng cao quyền phụ nữ và cải thiện môi trường làm việc cho công nhân.

Tuy nhiên, số lượng các NGO đã gia tăng nhanh chóng từ khoảng 200 vào năm 1909 lên tới hơn 17.000 hiện nay. Lợi ích của công nghệ thông tin chi phí rẻ nhưng vô cùng nhanh chóng đã tạo điều kiện dễ dàng cho các nhóm tổ chức lại và

gây ảnh hưởng đến các chính sách công và luật quốc tế - với thỏa thuận quốc tế về cấm mìn sát thương gần đây là một minh chứng cho điều nói trên. Các nhóm này đặt ra những câu hỏi đối với chủ quyền bởi vì họ dường như đe dọa đến tính toàn vẹn trong quy trình ra quyết định trong nước. Các nhà hoạt động chính trị thất bại trên chính lãnh thổ của mình có thể gây áp lực lên chính quyền nước ngoài, và chính quyền nước ngoài đến lượt họ có thể gây ảnh hưởng đến các nhà hoạch định chính sách tại chính đất nước của các nhà hoạt động này.

Nhưng bất chấp những lời đồn đại về sự gia tăng ảnh hưởng của các NGO, khả năng gây ảnh hưởng của họ đến các hoạt động đối nội của một quốc gia vẫn còn hạn chế nếu so với các chính quyền, các tổ chức quốc tế và các công ty đa quốc gia. Công ty United Fruit Company có nhiều ảnh hưởng tại khu vực Trung Mỹ vào thời gian đầu thế kỉ 20 hơn bất kì một NGO nào hi vọng có thể đạt được tại bất kì đâu trong thế giới hiện nay. Quỹ Tiền tệ Quốc tế và các tổ chức tài chính đa phương hiện nay thường xuyên đàm phán những thỏa thuận có điều kiện không chỉ liên quan đến các mục tiêu kinh tế cụ thể mà còn cả các thay đổi thể chế nội bộ ví dụ như cam kết loại bỏ tham nhũng hay chấm dứt các liên minh độc quyền.

Các quốc gia nhỏ hơn, yếu hơn là mục tiêu thường xuyên của những ảnh hưởng bên ngoài nhằm thay đổi các thể chế nội bộ, nhưng các nước mạnh hơn cũng không phải không hề miễn nhiễm. Tính mở của hệ thống chính trị Mỹ có nghĩa rằng không chỉ các NGO mà cả các chính quyền nước ngoài cũng có thể có một số vai trò nhất định đối với các quyết định chính trị của nước này. (Ví dụ chính quyền Mexico đã vận động mạnh mẽ cho sự thông qua Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ). Trên thực tế, tính cởi mở của hệ thống chính trị Mỹ đã biến Mỹ trở thành một đối tác ít gây đe dọa, nhiều nước sẵn sàng kí vào những thỏa thuận quốc tế cho Mỹ bảo trợ bởi vì họ tin rằng họ có thể đóng một vai trò nào đó trong quá trình hoạch định chính sách của Mỹ.

Chủ quyền cản trở việc giải quyết xung đột

Đúng, đôi khi. Các nhà lãnh đạo và các cử tri của họ có những quan điểm khá rõ ràng về ý nghĩa của chủ quyền - tức sự kiểm soát độc quyền trong một vùng lãnh thổ nào đó – ngay cả khi qui chuẩn này đã thường xuyên bị thách thức bởi các nguyên tắc thiếu nhất quán (như quyền con người phổ quát) và bị xâm phạm trên thực tế (ví dụ Mỹ và Anh ép thi hành vùng cấm bay ở Iraq). Thật ra, tầm quan trọng của các nguyên tắc chủ quyền truyền thống gây khó khăn cho việc giải quyết một số vấn đề. Ví dụ, không có bất kì một cách giải quyết nào về chủ quyền truyền

thống cho Jerusalem, nhưng không khó để hình dung ra các giải pháp thay thế: phân chia thành phố thành nhiều phần nhỏ; phân chia Núi Đền (Temple Mount) theo chiều thẳng đứng (?) với người Palestine sẽ kiểm soát phần trên, còn phần dưới sẽ thuộc quyền của người Israel; thiết lập một dạng chính quyền quốc tế nào đó; phân chia quyền kiểm soát dựa trên những vấn đề khác nhau (ví dụ như tôn giáo so với thuế) giữa các chính quyền khác nhau. Bất kì một sự lựa chọn nào kể trên cũng tốt cho cả phần lớn người Israel và người Palestine hơn so với thể bế tắc đang diễn ra, nhưng các nhà lãnh đạo chính trị của cả hai phía đều gặp khó khăn trong việc đưa ra biện pháp giải quyết bởi vì họ đứng trước nguy cơ bị tấn công bởi các nhóm tinh hoa đối nghịch, những người có thể dương cao lá cờ chủ quyền.

Những nguyên tắc (chủ quyền) truyền thống cũng gây ra nhiều vấn đề cho trường hợp của Tây Tạng. Có thể sẽ tốt hơn cho cả Trung Quốc và Tây Tạng nếu Tây Tạng có thể giành được một số quyền tự trị mà nó đã có thời còn là một quốc gia triều cống của đế chế Trung Hoa truyền thống. Tây Tạng đã có quyền tự trị rộng khắp nhưng thừa nhận một cách tượng trưng (và thỉnh thoảng thông qua hình thức triều cống) uy quyền của hoàng đế Trung Hoa. Ngày nay, ít người dân của cả hai phía biết một quốc gia triều cống nghĩa là thế nào và thậm chí nếu các nhà lãnh đạo của Tây Tạng tìm ra được một giải pháp mang lại cho đất nước của họ quyền tự trị lớn hơn thì cũng không có gì đảm bảo rằng họ có thể nhận được sự ủng hộ từ chính những cử tri của họ.

Tuy nhiên, nếu các nhà lãnh đạo có thể đạt được sự đồng thuận, thuyết phục được các cử tri hay sẵn sàng dùng biện pháp ép buộc, thì nguyên tắc chủ quyền có thể bị xâm phạm theo những cách "sáng tạo". Ví dụ, Trung Quốc đã biến Hồng Kông thành một đặc khu hành chính sau khi nhận chuyển giao từ Anh, cho phép một thẩm phán nước ngoài tham gia tòa phúc thẩm tối cao và thuyết phục được các nước khác đồng ý không chỉ cho Hồng Kông tham gia vào một số tổ chức quốc tế mà còn chấp nhận các thỏa thuận thị thực riêng và một loại hộ chiếu dành riêng cho Hồng Kông. Tất cả những biện pháp này đều vi phạm các nguyên tắc chủ quyền truyền thống vì Hồng Kông không có sự độc lập về thẩm quyền pháp lý. Chỉ bằng cách tạo ra một quy chế đặc biệt cho Hồng Kông với sự chấp thuận của các nước khác thì Trung Quốc mới có thể vừa tuyên bố được chủ quyền của mình trong khi vẫn duy trì được niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

Liên minh Châu Âu là một mô hình mới cho chính quyền siêu quốc gia

Vâng, nhưng chỉ cho mỗi người dân Châu Âu. Liên minh Châu Âu (EU) là một trường hợp mới và còn thú vị hơn cả Hồng Kông nếu xét về vấn đề chủ quyền. Đó không phải là một tổ chức quốc tế truyền thống bởi các thành viên của nó liên kết với nhau mật thiết tới nỗi quyết định rút ra khỏi EU không còn là một lựa chọn khả dĩ. Nó ít có khả năng trở thành một Hợp chủng quốc Châu Âu – một nhà nước liên bang lớn như Hợp chủng quốc Hoa Kỳ - bởi các lợi ích, văn hóa, kinh tế và các dàn xếp thể chế nội bộ của mỗi thành viên quá đa dạng. Việc mở rộng EU bao gồm những quốc gia cộng sản trước đây ở Trung Âu càng làm phức tạp thêm bất cứ nỗ lực nào nhằm tiến đến một tổ chức chính trị giống như một nhà nước có chủ quyền truyền thống.

EU mâu thuẫn với những qui tắc chủ quyền truyền thống. Các nước thành viên EU đã tạo ra những thể chế siêu nhà nước (như Tòa thượng thẩm Châu Âu, Ủy ban Châu Âu, Hội đồng Bộ trưởng) vốn có thể ra các quyết định bị chống đối bởi một số quốc gia thành viên. Các phán quyết của tòa án có tác động trực tiếp và có hiệu lực ưu tiên trong các hệ thống tư pháp quốc gia, mặc dù những nguyên tắc này chưa bao giờ được công nhận rõ ràng trong bất kì hiệp ước nào. Liên minh Tiền tệ Châu Âu đã tạo ra một ngân hàng trung ương nhằm kiểm soát các hoạt động tiền tệ của 3 trong số 4 quốc gia lớn nhất của liên minh. Đạo luật Châu Âu Duy nhất (Single European Act) và Hiệp ước Maastricht đã qui định việc bỏ phiếu theo đa số hoặc đa số cần thiết (qualified majority) chứ không phải nhất trí trong một số lĩnh vực vấn đề nhất định. Theo một nghĩa nào đó, Liên minh Châu Âu là một sản phẩm của chủ quyền quốc gia vì nó đã được tạo ra thông qua thỏa thuận tự nguyện giữa các quốc gia thành viên. Nhưng theo một nghĩa khác, về cơ bản nó lại mâu thuẫn với cách hiểu xưa nay về chủ quyền bởi chính những thỏa thuận này đã làm suy yếu quyền tài phán của các quốc gia thành viên.

Tuy nhiên, Liên minh Châu Âu không phải là mô hình mà các khu vực khác của thế giới có thể bắt chước được. Những động thái ban đầu hướng đến mô hình thống nhất có thể đã không xảy ra nếu không nhận được sự hỗ trợ chính trị và kinh tế của Mỹ, nước vào những năm đầu của thời kì Chiến tranh Lạnh đã quan tâm nhiều đến việc hình thành một khối liên minh mạnh có thể đối chọi với Liên Xô hơn là thách thức tiềm tàng của châu Âu đối với vị thế lãnh đạo của Mỹ. Đức, một trong những nước lớn nhất của khối EU, là nước ủng hộ kiên định nhất đối với một cấu trúc thể chế có thể giới hạn quyền tự do hành động của chính Berlin, điều phản ánh bài học rút ra từ hai cuộc chiến tranh tàn khốc và sức hấp dẫn của một bản sức

Châu Âu đối với một đất nước vẫn còn vật lộn với những tộc ác của thời kì Đức Quốc Xã. Quả thật rất khó để hình dung các cường quốc khu vực khác như Trung Quốc, Nhật Bản hay Brazil, chứ chưa nói đến Mỹ, có thể muốn tự trói tay mình tương tự như vậy. (Các hiệp định thương mại khu vực như Mercosur và NAFTA có các điều khoản rất hạn chế về quyền lực siêu quốc gia và ít hiệp định cho thấy dấu hiện tiến hóa thành các liên minh tiền tệ và chính trị rộng lớn hơn). EU là một cấu trúc thể chế mới và độc nhất, nhưng nó sẽ tồn tại song song chứ không phải đào thải mô hình nhà nước chủ quyền.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc,

Biên dịch: Trần Thị Diệu | Hiệu đính: Lê Hồng Hiệp

hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.